

Tìm hiểu các quy định luật phá sản năm 2004 về tài sản, nghĩa vụ về tài sản, các biện pháp bảo toàn tài sản, hội nghị chủ nợ và một số kiến nghị

Phá sản là tình trạng không mong muốn của thương nhân trong kinh doanh, nhưng lại là một quy luật kinh tế khách quan của nền kinh tế thị trường. Pháp luật về phá sản có nhiệm vụ quan trọng là tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong tình trạng kinh doanh khó khăn, thua lỗ có cơ hội để tái tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc rút ra khỏi thương trường một cách có trật tự, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ.

Pháp luật về phá sản bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ thông qua nhiều quy định khác nhau nhưng thể hiện rõ nhất, đặc trưng nhất là thông qua các quy định về tài sản, nghĩa vụ về tài sản, bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản và thông qua tổ chức và hoạt động của hội nghị chủ nợ.

Trên cơ sở thực tiễn năm năm thi hành Luật Phá sản năm 2004, trong chuyên đề này chúng tôi sẽ đi sâu phân tích các quy định của Luật Phá sản năm 2004 về: (1) tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản; (2) các biện pháp bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản; và (3) hội nghị chủ nợ.

I. TÀI SẢN VÀ NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

1. Khái niệm tài sản và nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản và nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là những thuật ngữ pháp lý quan trọng của Luật Phá sản năm 2004.

Thuật ngữ “tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản” thường được gọi tắt là tài sản có của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Thuật ngữ “nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản” là tài sản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Hai thuật ngữ này thường được gọi chung là tài sản phá sản (hay sản nghiệp) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Như vậy, tài sản phá sản bao gồm cả tài sản có và tài sản nợ, thông thường khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thì tài sản có của doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản thường ít hơn tổng số tài sản nợ và tài sản này thường được xác định tại thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Luật Phá sản năm 2004 tuy không có điều luật quy định riêng về khái niệm tài sản và khái niệm nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Nhưng căn cứ vào những quy định khác nhau của Luật Phá sản năm 2004 chúng ta có thể xác định như sau:

Tài sản (tài sản có) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật có hoặc sẽ có tại thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Nghĩa vụ về tài sản (tài sản nợ) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là toàn bộ các khoản nợ theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có nghĩa vụ phải thực hiện.

Luật Phá sản năm 2004 chỉ chấp nhận xem xét những khoản nợ được hình thành hợp pháp trước khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và chỉ là những khoản nợ không có bảo đảm. Những khoản nợ có bảo đảm được bảo đảm thanh toán bằng chính những tài sản bảo đảm như cầm cố, thế chấp theo phương thức do các bên thỏa thuận và theo đúng quy định pháp luật.

2. Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Tài sản (tài sản có) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là những tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã khi đã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tài sản này được xác định theo quy định tại Điều 49 của Luật Phá sản năm 2004, bao gồm:

- Tài sản và quyền về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có tại thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tài sản của doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh lâm vào tình trạng phá sản bao gồm tài sản quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Phá sản năm 2004 và tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh là các đối tượng phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với nghĩa vụ của công ty. Đã có ý kiến cho rằng quy định như vậy là không bình đẳng trong quan hệ giữa doanh nghiệp nhà nước, các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh. Tuy nhiên, theo chúng tôi quy định này là hợp lý nếu xét dưới góc độ bản chất của doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn đối với khoản nợ phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng dưới góc độ chính sách của Luật Phá sản năm 2004 thì quy định này cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung lại cho linh hoạt hơn.

3. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

a. Xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Luật Phá sản năm 2004 quy định nguyên tắc chung để xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản tại Điều 33 Luật Phá sản năm 2004. Theo đó, nghĩa vụ về tài sản (tài sản nợ) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực chất là nghĩa vụ về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ phải thanh toán, là lý do đưa doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Tài sản để làm căn cứ xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được xác định theo quy định tại Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005 “tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được xác định căn cứ theo quy định tại Điều 33 của Luật Phá sản năm 2004 bao gồm:

- Các yêu cầu đòi doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ về tài sản được xác lập trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà nghĩa vụ này không có bảo đảm;
- Các yêu cầu đòi doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ về tài sản có bảo đảm được xác lập trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nhưng quyền ưu tiên thanh toán đã bị huỷ bỏ.

Xác định nghĩa vụ về tài sản (tài sản nợ) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực chất là xác định tổng các khoản nợ (cả nợ chưa đến hạn và nợ đã đến hạn) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng

phá sản đối với các chủ nợ tại thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và số lượng các chủ nợ được quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thanh toán.

Về việc xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Mục 1 Phần III Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28-4-2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản năm 2004 về phần nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản đã xác định như sau:

- Tổng các yêu cầu của các chủ nợ đòi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực hiện nghĩa vụ về tài sản không có bảo đảm (kể cả đến hạn và chưa đến hạn), mà các nghĩa vụ này được xác lập, được phát sinh trước thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;

- Tổng các yêu cầu của các chủ nợ có bảo đảm đòi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực hiện nghĩa vụ về tài sản có bảo đảm (kể cả đến hạn và chưa đến hạn), mà các nghĩa vụ này được xác lập, được phát sinh trước thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nhưng quyền ưu tiên thanh toán đã bị huỷ bỏ.

Như vậy, Luật Phá sản năm 2004 chỉ xem xét những khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã được hình thành hợp pháp trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và những khoản nợ đó là khoản nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm nhưng quyền ưu tiên thanh toán đã bị huỷ bỏ.

Đối với những khoản nợ có bảo đảm dưới các hình thức như cầm cố, thế chấp... thì nghĩa vụ về tài sản được xác lập theo các giao dịch bảo đảm không được xác định là nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Bên cạnh việc quy định nguyên tắc chung để xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Luật Phá sản năm 2004 còn quy định việc xác định nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp khoản nợ không phải là tiền (Điều 38) và nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh (Điều 39) của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Theo đó, trường hợp đối tượng nghĩa vụ không phải là tiền thì theo yêu cầu của người có quyền hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã, Toà án xác định giá trị của nghĩa vụ đó vào thời điểm ra quyết định mở thủ tục phá sản để đưa vào nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã (Điều 38 Luật Phá sản năm 2004). Giá trị của nghĩa vụ không phải là tiền có thể là các quyền về sở hữu trí tuệ, mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp, giá trị thương hiệu của sản phẩm, dịch vụ... các quyền tài sản này đều có thể trị giá ra thành tiền và được coi là tài sản. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là đơn vị có nghĩa vụ thì giá trị của nghĩa vụ đó được thống kê vào giá trị tài sản phải thanh toán (khoản nợ), của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh thì việc xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác định như sau:

- Trường hợp nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ liên đới về một khoản nợ mà một hoặc tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã đó lâm vào tình trạng phá sản thì chủ nợ có quyền đòi bất cứ doanh nghiệp, hợp tác xã nào trong số các doanh nghiệp, hợp tác xã đó thực hiện việc trả nợ cho mình theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người bảo lãnh lâm vào tình trạng phá sản thì người được bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người nhận bảo lãnh.

- Trường hợp người được bảo lãnh hoặc cả người bảo lãnh và người được bảo lãnh đều lâm vào tình trạng phá sản thì người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với người nhận bảo lãnh.

Như vậy, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản về bản chất là tổng giá trị các khoản nợ cả đến hạn và cả chưa đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải thanh toán cho các chủ nợ của mình. Tuy nhiên, giá trị khoản nợ hay nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thanh toán được xác định tại thời điểm nào đang là vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Loại ý kiến thứ nhất cũng là loại ý kiến đã được thể hiện tại Điều 33 của Luật Phá sản năm 2004, đó là xác định thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là thời điểm xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng quy định thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là thời điểm xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản cho tất cả các trường hợp là chưa hợp lý. Bởi vì trong một số trường hợp đặc biệt, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn phát sinh sau khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Ví dụ: nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với Nhà nước trong trường hợp Nhà nước áp dụng biện pháp đặc biệt về tài sản để phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh (Điều 36 Luật Phá sản năm 2004). Do đó, cần nghiên cứu để sửa đổi quy định tại Điều 36 Luật Phá sản năm 2004 theo hướng, trong những trường hợp đặc biệt, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản sẽ được xác định tại thời điểm thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

b. Xử lý nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Luật Phá sản năm 2004 quy định việc xử lý nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản trong trường hợp đã có quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Mọi trường hợp không có quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thì không thể tiến hành xử lý nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Luật Phá sản năm 2004 quy định các trường hợp xử lý nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản như sau: Xử lý các khoản nợ chưa đến hạn (Điều 34); Xử lý các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp hoặc cầm cố (Điều 35); Xử lý tài sản của Nhà nước đã được dùng để áp dụng biện pháp đặc biệt về tài sản (Điều 36); Xử lý tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý (Điều 40); Xử lý tài sản đã giao trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Điều 41); Xử lý hàng hóa đã bán (Điều 42); Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp mở thủ tục thanh lý tài sản (Điều 37). Cụ thể như sau:

Xử lý các khoản nợ chưa đến hạn:

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục thanh lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thì các khoản nợ chưa đến hạn vào thời điểm mở thủ tục thanh lý được xử lý như các khoản nợ đến hạn, nhưng không được tính lãi đối với thời gian chưa đến hạn.

Xử lý các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp hoặc cầm cố:

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục thanh lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thì các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp hoặc cầm cố được xác lập trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được ưu tiên thanh toán bằng tài sản đó; nếu giá trị tài sản thế chấp hoặc cầm cố không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu giá trị của tài sản thế chấp hoặc cầm cố lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Xử lý tài sản của Nhà nước đã được dùng để áp dụng biện pháp đặc biệt về tài sản:

Doanh nghiệp đã được Nhà nước áp dụng biện pháp đặc biệt về tài sản để phục hồi hoạt động kinh doanh, nhưng vẫn không phục hồi được mà phải áp dụng thủ tục thanh lý thì phải hoàn trả lại giá trị tài sản đã được áp dụng biện pháp đặc biệt cho Nhà nước trước khi thực hiện việc phân chia tài sản theo quy định tại Điều 37 của Luật Phá sản năm 2004.

Xử lý tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý:

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định mở thủ tục thanh lý, chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý thuê hoặc mượn tài sản để dùng vào hoạt động kinh doanh phải xuất

trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê hoặc cho mượn với Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản để nhận lại tài sản của mình. Trong trường hợp có tranh chấp thì yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý đã trả trước tiền thuê nhưng chưa hết thời hạn thuê thì chủ sở hữu chỉ được nhận lại tài sản sau khi đã thanh toán lại số tiền thuê còn thừa do chưa hết thời hạn để Tổ quản lý, thanh lý tài sản nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó.

Trường hợp tài sản thuộc quyền đòi lại đã bị doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý chuyển nhượng cho người khác thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu bồi thường đối với tài sản đó như khoản nợ có bảo đảm.

Xử lý tài sản đã giao trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:

Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào đã giao tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản trước khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đều không được đòi lại nếu việc giao tài sản đó nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

Xử lý hàng hóa đã bán:

Người bán đã gửi hàng hoá cho người mua là doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản nhưng chưa được thanh toán và người mua cũng chưa nhận được hàng hoá thì người bán được nhận lại hàng hoá đó.

Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp mở thủ tục thanh lý tài sản:

Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp mở thủ tục thanh lý tài sản là một quy định quan trọng của Luật Phá sản năm 2004 vì quy định này ảnh hưởng rất lớn đến các chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản được phân ra thành hai trường hợp. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì việc xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được chia ra thành hai giai đoạn chính.

- Giai đoạn 1: ngay sau khi Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục thanh lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thì việc phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được thực hiện theo thứ tự sau đây:

+ Phí phá sản;

+ Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

+ Các khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ đều được thanh toán đủ số nợ của mình; nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng.

- Giai đoạn 2: nếu giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi đã thanh toán đủ các khoản ở giai đoạn 1 mà vẫn còn thì phần còn lại này được chia cho các chủ thể sau:

+ Xã viên hợp tác xã;

+ Chủ doanh nghiệp tư nhân;

- + Các thành viên của công ty; các cổ đông của công ty cổ phần;
- + Chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì việc xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên hoặc được thực hiện theo thứ tự phân chia như trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

4. Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về tài sản, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

a. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản (Điều 49 Luật Phá sản năm 2004)

Trong quá trình thực hiện các quy định về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản tại Điều 49 Luật Phá sản năm 2004 đã bộc lộ nhiều thiếu sót. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định như sau:

- Việc quy định về tài sản phá sản và cách xử lý đối với tài sản phá sản như tại Điều 49 là chưa hợp lý, chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản. Toàn bộ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có được từ thời điểm có Quyết định của Tòa án về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết phá sản hợp thành một khối thống nhất và duy nhất được gọi là tài sản phá sản. Việc xác định phạm vi của khối tài sản này có ý nghĩa rất quan trọng vì nó không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ nợ mà còn có ý nghĩa lớn trong việc quyết định phương hướng giải quyết một vụ việc phá sản cụ thể. Nếu Tòa án xác định được rằng, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã không còn hoặc còn nhưng rất không đáng kể thì Tòa án có thể tuyên bố ngay họ bị phá sản và chấm dứt vụ việc mà không cần phải tiến hành bất cứ một thủ tục pháp lý nào khác. Do vậy, cần bổ sung thêm quy định Tòa án ra quyết định thanh lý tài sản và tuyên bố doanh nghiệp phá sản ngay khi xác định được rằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã không còn hoặc còn nhưng rất không đáng kể. Có như vậy thủ tục tiến hành “khai tử” một doanh nghiệp, hợp tác xã mới có thể tiến hành nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các đương sự, cơ quan tiến hành tố tụng cũng như cho cả xã hội.

- Bổ sung một số loại tài sản, quyền tài sản vào tài sản phá sản của doanh nghiệp mắc nợ như: Tài sản và quyền tài sản được thu hồi từ các giao dịch không công bằng của doanh nghiệp; Tài sản và quyền tài sản có được do thu hồi từ các giao dịch vô hiệu của doanh nghiệp; Tài sản và quyền tài sản có được do chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh trong công ty hợp danh thừa kế; Tài sản và quyền tài sản có được sau ngày mở thủ tục phá sản.

Theo quy định của Luật Phá sản năm 2004 thì sau khi mở thủ tục phá sản, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vẫn có thể được tiến hành một cách bình thường. Vì vậy, việc doanh nghiệp có thêm tài sản và quyền tài sản sau ngày bắt đầu vụ kiện là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Do đó, việc đưa tài sản và quyền tài sản mà doanh nghiệp có được sau ngày mở thủ tục phá sản vào tài sản phá sản là cần thiết.

- Bổ sung quy định về tài sản phá sản của doanh nghiệp những tài sản như: Tài sản và quyền tài sản do chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh trong công ty hợp danh được tặng cho, thừa kế riêng.

- Bổ sung vào Điều 49 Luật Phá sản năm 2004 khoản 3, trong đó quy định về các loại tài sản được miễn trừ khỏi tài sản phá sản. Hiện nay, theo quan điểm nhân đạo, nhiều nước trên thế giới đã cho phép người mắc nợ là cá nhân được giữ lại một số tài sản, chủ yếu là những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu hàng ngày nếu họ không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc không có hành vi gian lận trong quá trình quản lý, điều hành doanh nghiệp. Theo thông lệ của các nước thì các tài sản, quyền về tài sản được miễn trừ bao gồm: các đồ vật phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày mang tính chất tối thiểu của người mắc nợ và các khoản trợ cấp cho người mắc nợ do không còn khả năng lao động, do bệnh tật, do mất việc làm; tiền lương hưu, các khoản nhận được từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, các khoản cấp dưỡng sau khi ly hôn, tiền bồi thường do sức khỏe bị tổn hại do hành vi vi phạm pháp luật của người khác gây ra...

b. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản (Điều 33 Luật Phá sản năm 2004)

Như trên đã phân tích, nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản trong một số trường hợp đặc biệt vẫn phát sinh sau ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Do đó, cần sửa đổi Điều 33 Luật Phá sản năm 2004 theo hướng thừa nhận các khoản nợ mới phát sinh trong quá trình giải quyết phá sản. Có nghĩa là nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cũng phải được xác định là nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Vì khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được áp dụng thủ tục phục hồi sẽ có thể dẫn tới phát sinh các khoản nợ mới. Nếu không quy định nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình tiến hành thủ tục phục hồi thì sẽ không có doanh nghiệp nào muốn làm ăn đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

II. CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

Bảo toàn khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản tại thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là một việc làm cần thiết và có ý nghĩa không chỉ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản mà còn có ý nghĩa đối với cả chủ nợ và người mắc nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Luật Phá sản năm 2004 đã dành Chương IV với 18 điều quy định về các biện pháp bảo toàn tài sản. Đây là chương mới được quy định với 14 điều được xây dựng mới và 4 điều được sửa đổi, bổ sung so với Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993. Các biện pháp bảo toàn tài sản theo quy định của Luật Phá sản năm 2004 bao gồm: Các giao dịch bị coi là vô hiệu (Điều 43); Quyền yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu (Điều 44); Đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực (Điều 45); Vãn bản yêu cầu đình chỉ thực hiện hợp đồng (Điều 46); Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện (Điều 47); Bù trừ nghĩa vụ (Điều 48); Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản (Điều 50); Gửi giấy đòi nợ (Điều 51); Lập danh sách chủ nợ (Điều 52); Lập danh sách người mắc nợ (Điều 53); Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản (Điều 54); Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 55); Khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 56); Đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án (Điều 57); Giải quyết vụ án bị đình chỉ trong thủ tục phá sản (Điều 58); Nghĩa vụ của Ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản (Điều 59); Nghĩa vụ của nhân viên và người lao động (Điều 60).

Những nội dung cụ thể về các biện pháp bảo toàn tài sản như sau:

1. Các giao dịch vô hiệu và quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu

a. Các giao dịch vô hiệu

Theo quy định tại Điều 43 Luật Phá sản năm 2004 thì các loại giao dịch sau đây của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản bị coi là vô hiệu nếu được thực hiện trong khoảng thời gian ba tháng trước ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, bao gồm:

- Tặng cho động sản và bất động sản cho người khác;
- Thanh toán hợp đồng song vụ trong đó phần nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã rõ ràng là lớn hơn phần nghĩa vụ của bên kia;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn;
- Thực hiện việc thế chấp, cầm cố tài sản đối với các khoản nợ;
- Các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong trường hợp các giao dịch nêu trên bị tuyên bố vô hiệu thì những tài sản thu hồi được từ các giao dịch vô hiệu đó phải nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong điều kiện bình thường doanh nghiệp, hợp tác xã được quyền tự quyết định chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình đối với các quyết định đó. Doanh nghiệp, hợp tác xã được quyền quy định tham gia hoặc không tham gia vào quan hệ kinh doanh này hay quan hệ kinh doanh khác mà không một tổ chức, cá nhân nào được quyền can thiệp trái pháp luật. Tuy nhiên, trong điều kiện doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thì việc can thiệp và cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện một hoặc một số giao dịch nhất định là cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ. Quy định này nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản hoặc cố ý làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thông qua các giao dịch bất hợp pháp với mục đích tẩu tán tài sản.

Liên quan đến việc cấm doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực hiện một hoặc một số hoạt động nhất định, Điều 31 Luật Phá sản năm 2004 cũng có những quy định về các hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm hoặc bị hạn chế như sau :

“1. Kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, nghiêm cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Thanh toán nợ không có bảo đảm;
- c) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- d) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp.

2. Sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, các hoạt động sau đây của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán trước khi thực hiện:

- a) Cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán, tặng cho, cho thuê tài sản;
- b) Nhận tài sản từ một hợp đồng chuyển nhượng;
- c) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- d) Vay tiền;
- đ) Bán, chuyển đổi cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản;

e) Thanh toán các khoản nợ mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.”

Khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, dấu hiệu biểu hiện là doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu và đã có đơn yêu cầu Toà án mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó thì việc can thiệp và cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện một số hoạt động là cần thiết. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ không có giá trị thi hành (vô hiệu) không chỉ khi có đơn yêu cầu tuyên bố phá sản, mà cả những hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã đã tiến hành trước ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Luật quy định những giao dịch được tiến hành trong khoảng 3 tháng trước ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sẽ bị coi là vô hiệu. Quy định này nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản hoặc cố ý làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua các giao dịch nhằm hợp lý hoá hành vi tẩu tán tài sản bất hợp pháp của doanh nghiệp, của những người lãnh đạo doanh nghiệp.

b. Quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dấu hiệu của việc lâm vào tình trạng phá sản thường được biểu hiện trong một khoảng thời gian khá dài. Các nhà làm luật đã đề ra biện pháp phòng ngừa việc những người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã biết tình trạng thực của doanh nghiệp, hợp tác xã mà có những giao dịch thiếu công bằng, không vô tư có thể vì mục đích tư lợi, làm lợi cho một hoặc một số chủ nợ, nhưng lại gây thiệt hại cho các chủ nợ khác bằng cách làm giảm khối tài sản phá sản. Những giao dịch loại này sẽ bị vô hiệu. Trong quá trình Toà án tiến hành thủ tục phá sản nếu phát hiện thấy có những giao dịch như vậy hoặc nghi ngờ vào tính vô tư, khách quan của những giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, chủ nợ không có bảo đảm, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Toà án đang tiến hành thủ tục phá sản tuyên bố những giao dịch đó là vô hiệu và xử lý hậu quả pháp lý của những giao dịch vô hiệu theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 44 Luật Phá sản năm 2004 thì chủ nợ không có bảo đảm, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố các giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản năm 2004 là vô hiệu. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định của Toà án tuyên bố giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã là vô hiệu để thu hồi lại tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

Mục 1 Phần IV Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28-4-2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản năm 2004 hướng dẫn:

“1.1. Trong quá trình Toà án tiến hành thủ tục phá sản, nếu phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực hiện một trong các giao dịch và trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản năm 2004, thì chủ nợ không có bảo đảm, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch đó là vô hiệu. Yêu cầu phải được làm thành văn bản. Kèm theo văn bản yêu cầu là các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Khi nhận được văn bản yêu cầu và các giấy tờ, tài liệu kèm theo, Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản phải kiểm tra, xem xét và nếu xét thấy yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật, thì ra quyết định tuyên bố giao dịch đó là vô hiệu.

1.2. Thẩm phán phải gửi quyết định tuyên bố giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản năm 2004 là vô hiệu cho Tổ quản lý, thanh lý tài sản và các bên tham gia giao dịch. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Phá sản năm 2004”.

Việc xử lý hậu quả pháp lý của việc tuyên bố giao dịch vô hiệu theo quy định tại Điều 44 Luật Phá sản năm 2004 được thực hiện theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005, đây cũng chính là nguyên tắc để xử lý các giao dịch dân sự vô hiệu trong quá trình Toà án tiến hành thủ tục tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, cụ thể như sau:

“Điều 137. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu.

1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.”

Khi thụ lý, giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thì Toà án không cần phải tiến hành đề nghị đương sự yêu cầu Toà án có thẩm quyền tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu mà Toà án đang giải quyết yêu cầu tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ tuyên bố giao dịch dân sự đó vô hiệu căn cứ vào Điều 43 hoặc Điều 31 của Luật Phá sản năm 2004 và sẽ xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005 theo nguyên tắc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tài sản thu hồi được từ các giao dịch vô hiệu của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản sẽ được nhập vào khối tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản đó.

2. Đình chỉ thực hiện hợp đồng, thủ tục tiến hành và hậu quả pháp lý

a. Đình chỉ thực hiện hợp đồng

Thực tế cho thấy khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã không phải đã bị đình chỉ, bị ngưng trệ, mà khi đó doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn đang còn kinh doanh, tìm những cơ hội thoát khỏi hoàn cảnh bất lợi hiện tại. Lúc đó thông thường trong quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn đang còn có những hợp đồng đã được ký kết đang có hiệu lực, chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện.

Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng có thể sẽ có lợi cho doanh nghiệp, nhưng cũng có thể bất lợi cho doanh nghiệp. Những hợp đồng mà việc tiếp tục thực hiện sẽ gây bất lợi cho doanh nghiệp, gây tổn thất, làm giảm khối tài sản phá sản, do vậy cần bị đình chỉ thực hiện. Có thể chỉ từ việc đình chỉ thực hiện một vài giao dịch hợp đồng đã ký, đã và đang được thực hiện sẽ giúp cải thiện đáng kể tình hình tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và giúp cho doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong tình trạng khó khăn có khả năng phục hồi hoặc giữ được tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã còn lại ở mức cao nhất.

Điều 45 Luật Phá sản năm 2004 quy định trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản nếu xét thấy việc đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc chưa được thực hiện sẽ có lợi hơn cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì hợp đồng đó bị đình chỉ thực hiện.

Khi giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, cần chú ý rằng, chỉ xem xét đình chỉ những hợp đồng, nếu việc thực hiện hợp đồng đó sẽ không có lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã (không những không làm tăng, mà việc thực hiện sẽ làm giảm khối tài sản phá sản). Trường hợp ngược lại việc thực hiện hợp đồng sẽ vẫn được tiếp tục và tùy từng trường hợp mà sẽ có cách xử lý thích hợp: cho tiếp tục thực hiện bình thường, cho tiếp tục thực hiện nhưng đặt dưới sự giám sát của Thẩm phán phụ trách giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản; cho tiếp tục thực hiện nhưng phải thay người quản lý điều hành doanh nghiệp.

b. Thủ tục tiến hành

Khi phát hiện có những hợp đồng quy định tại Điều 45 Luật Phá sản năm 2004, Chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng. Yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc chưa được thực hiện phải được làm thành văn bản với những nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm văn bản;
- b) Tên, địa chỉ của người có yêu cầu;
- c) Số và tên hợp đồng; ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng;
- d) Đối tác của doanh nghiệp, hợp tác xã trong hợp đồng;
- đ) Nội dung cụ thể của hợp đồng;
- e) Căn cứ của việc yêu cầu đình chỉ thực hiện hợp đồng.

Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Thẩm phán được phân công giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã phải xem xét, giải quyết yêu cầu này, nếu chấp nhận thì Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng; nếu không chấp nhận thì thông báo cho người đề nghị biết.

Mục 1 Phần IV Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28-4-2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản năm 2004 hướng dẫn:

“2.1. Khi chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản nhận thấy việc đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực có lợi hơn về mặt tài sản (vật chất) cho doanh nghiệp, hợp tác xã, thì có văn bản yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng đó. Kèm theo văn bản yêu cầu là các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho việc đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực là có lợi hơn về mặt tài sản (vật chất) cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.2. Việc xác định tính có lợi hơn cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc đình chỉ thực hiện hợp đồng được thực hiện như sau:

a) Tạm tính các khoản lỗ, thiệt hại mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải gánh chịu nếu phải tiếp tục thực hiện hợp đồng;

b) Tạm tính các thiệt hại tài sản (với tư cách là hậu quả pháp lý xấu) mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải gánh chịu nếu đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng;

c) Nếu các thiệt hại tạm tính được hướng dẫn tại điểm b nhỏ hơn các thiệt hại được hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.2 này, thì được coi là có lợi hơn cho doanh nghiệp.

2.3. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu và các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho việc đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực có lợi hơn về mặt tài sản (vật chất) cho doanh nghiệp, hợp tác xã, thì Thẩm phán phải xem xét ngay. Nếu xét thấy văn bản yêu cầu có căn cứ, thì chấp nhận và ra ngay quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng. Nếu xét thấy văn bản yêu cầu không có căn cứ, thì không chấp nhận và thông báo cho người có yêu cầu biết.”

Quyết định của Thẩm phán có hiệu lực thi hành, pháp luật không quy định quyền kháng cáo, kháng nghị đối với những quyết định này.

c. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thực hiện hợp đồng

Những hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã thực hiện xong việc giao hàng nhưng chưa được thanh toán thì được xử lý tài sản. Tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản đã nhận được từ việc thực hiện hợp đồng vẫn còn tồn tại trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó thì bên kia của hợp đồng có quyền đòi lại; nếu tài sản đó không còn thì bên kia của hợp đồng có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm, được ghi tên vào danh sách chủ nợ và tham gia giải quyết theo thủ tục chung về phá sản. Không thể hoàn trả được tài sản đã nhận bằng hiện vật trong các trường hợp sau đây: đã được đưa vào khai thác, sử dụng; đã bị mất mát, hư hỏng; đã được chuyển giao cho người khác và đã được đưa vào khai thác, sử dụng hoặc bị mất mát, hư hỏng hoặc quá thời hạn sử dụng; không còn giữ được chất lượng, chức năng, công dụng của tài sản mà do lỗi của bên nhận tài sản (ví dụ: người nhận được tài sản không bảo quản theo đúng quy định); đã bị mất mát một hoặc một số bộ phận nào đó của tài sản mà không thể khôi phục lại được theo nguyên trạng khi nhận.

Trường hợp hợp đồng bị đình chỉ thực hiện thì bên kia của hợp đồng có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm đối với khoản thiệt hại do việc đình chỉ thực hiện hợp đồng gây ra.

3. Bù trừ nghĩa vụ

Lệnh Phá sản năm 2004 quy định, chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được thực hiện việc bù trừ nghĩa vụ đối với những giao dịch được xác lập trước khi có quyết định mở thủ tục phá sản theo các nguyên tắc:

- Trường hợp hai bên có nghĩa vụ với nhau về tài sản cùng loại thì khi đến hạn không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và nghĩa vụ được xem là chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Trường hợp giá trị tài sản hoặc công việc không tương đương với nhau thì các bên thanh toán cho nhau phần giá trị chênh lệch;

- Những vật được định giá thành tiền được bù trừ nghĩa vụ trả tiền. Trong trường hợp này, nếu phần chênh lệch được thanh toán thuộc phía chủ nợ thì chủ nợ được đăng ký vào danh sách với tư cách chủ nợ không có bảo đảm, nếu ngược lại số chênh lệch sẽ được ghi vào danh sách khoản nợ phải thu và được giải quyết theo thủ tục chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét tính hợp pháp của những giao dịch này, chỉ những giao dịch không bị tuyên bố vô hiệu và không bị đình chỉ thực hiện mới được xem xét khả năng thực hiện bù trừ.

4. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản theo bảng kê chi tiết đã nộp cho Tòa án và xác định giá trị các tài sản đó. Thủ tục và thành phần kiểm kê phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã cần có thời gian dài hơn thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá ba mươi ngày.

Bảng kiểm kê tài sản đã được xác định giá trị do doanh nghiệp, hợp tác xã tiến hành phải gửi ngay cho Tòa án tiến hành thủ tục phá sản.

Trong trường hợp xét thấy việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã là không chính xác thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giá trị tài sản được xác định theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê. Chi phí kiểm kê tài sản, định giá tài sản được tính vào chi phí phá sản theo quy định chung.

5. Lập danh sách chủ nợ, người mắc nợ và tổng số nợ phải trả, nợ phải đòi

a. Gửi giấy đòi nợ

Theo quy định tại Điều 29 Luật Phá sản năm 2004 thì quyết định của Tòa án về mở thủ tục phá sản được gửi cho doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, Viện kiểm sát cùng cấp và đăng trên báo địa phương nơi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có địa chỉ chính, báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp. Quyết định của Tòa án về mở thủ tục phá sản phải được thông báo cho các chủ nợ, những người mắc nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Thời hạn gửi và thông báo quyết định mở thủ tục phá sản là bảy ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày cuối cùng đăng báo về quyết định của Tòa án mở thủ tục phá sản, các chủ nợ phải gửi giấy đòi nợ cho Tòa án, trong đó nêu cụ thể các khoản nợ, số nợ đến hạn và chưa đến hạn, số nợ có bảo đảm và không có bảo đảm mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả. Kèm theo giấy đòi nợ là các tài liệu chứng minh về các khoản nợ đó. Hết thời hạn này các chủ nợ không gửi giấy đòi nợ đến Tòa án thì được coi là từ bỏ quyền đòi nợ.

Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không tính vào thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày cuối cùng đăng báo về quyết định của Tòa án mở thủ tục phá sản.

Theo hướng dẫn tại Mục 3 Phần IV Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28-4-2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản năm 2004 thì ngày cuối cùng đăng báo về quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án là ngày sau cùng đăng một trong hai báo mà không phân biệt báo đó là báo địa phương hay báo trung ương.

Ví dụ: Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án được đăng trên báo địa phương trong ba số liên tiếp vào các ngày 02, 04 và 06-3-2005; được đăng trên báo trung ương trong ba số liên tiếp vào các ngày 02, 03 và 04-3-2005, thì ngày cuối cùng đăng báo là ngày 06-3-2005.

b. Lập danh sách chủ nợ

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải lập xong danh sách chủ nợ và số nợ. Trong danh sách này phải ghi rõ số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ các khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

Danh sách chủ nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Toà án tiến hành thủ tục phá sản và trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày niêm yết. Trong thời hạn này, các chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có quyền khiếu nại với Toà án về danh sách chủ nợ. Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không tính vào thời hạn mười ngày quy định tại khoản này.

Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Toà án phải xem xét, giải quyết khiếu nại; nếu thấy khiếu nại có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ.

c. Lập danh sách người mắc nợ

Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách những người mắc nợ doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Trong danh sách này phải ghi rõ số nợ của mỗi người mắc nợ, trong đó phân định rõ các khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

Danh sách người mắc nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Toà án tiến hành thủ tục phá sản và trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày niêm yết. Trong thời hạn này, người mắc nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có quyền khiếu nại với Toà án về danh sách người mắc nợ.

Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Toà án phải xem xét, giải quyết khiếu nại; nếu thấy khiếu nại có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách người mắc nợ.

6. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản cho người khác vay tài sản có bảo đảm phải đăng ký theo quy định của pháp luật nhưng chưa đăng ký thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện ngay việc đăng ký giao dịch bảo đảm đó.

Việc đăng ký giao dịch bảo đảm sẽ tạo cơ sở pháp lý thiết lập quyền ưu tiên thanh toán tài sản đó đối với người thứ ba. Nếu xét thấy các hợp đồng cho vay là hợp pháp, ngay thẳng nhưng chưa được hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện ngay việc đăng ký giao dịch bảo đảm đó.

7. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

a. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Tổ quản lý, thanh lý tài sản, Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản:

- Cho bán những hàng hoá dễ bị hư hỏng, hàng hoá sắp hết thời hạn sử dụng, hàng hoá không bán đúng thời điểm sẽ khó có khả năng tiêu thụ;
- Kê biên, niêm phong tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Phong toả tài khoản của doanh nghiệp, hợp tác xã tại ngân hàng;
- Niêm phong kho, quỹ, thu giữ và quản lý sổ kế toán, tài liệu liên quan của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Cấm hoặc buộc doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân, tổ chức khác có liên quan thực hiện một số hành vi nhất định.

Khi xét thấy cần bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải có văn bản đề nghị Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 55 Luật Phá sản năm 2004. Văn bản đề nghị phải ghi cụ thể loại biện pháp khẩn cấp tạm thời cần áp dụng, đối tượng áp dụng và lý do áp dụng.

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nhằm mục đích bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 30 của Luật Phá sản năm 2004.

b. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 56 Luật Phá sản năm 2004 quy định trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có quyền khiếu nại với Chánh án Tòa án. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Chánh án Tòa án phải ra một trong các quyết định sau đây:

- Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

- Hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Việc Chánh án Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tùy thuộc vào sự xem xét, đánh giá của Chánh án Tòa án.

8. Đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án, giải quyết vụ án bị đình chỉ trong thủ tục phá sản

a. Đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án

Việc đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án được quy định tại Điều 57 của Luật Phá sản năm 2004. Theo đó kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, việc thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản là người phải thi hành án phải được đình chỉ.

Người được thi hành án có quyền nộp đơn cho Tòa án yêu cầu được thanh toán trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã như một chủ nợ không có bảo đảm hoặc như một chủ nợ có bảo đảm, nếu có bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật kê biên tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm thi hành án.

Kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án đó phải bị đình chỉ. Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án đó cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết.

b. Giải quyết vụ án bị đình chỉ trong thủ tục phá sản

Việc giải quyết vụ án bị đình chỉ trong thủ tục phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Phá sản năm 2004 như sau: ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án do Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án chuyển đến, Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản phải xem xét, quyết định nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thực hiện hoặc nghĩa vụ tài sản mà bên đương sự phải thực hiện đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì người được doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ về tài sản có quyền yêu cầu được thanh toán trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã như một chủ nợ không có bảo đảm.

Trường hợp bên đương sự phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thì phải thanh toán cho doanh nghiệp, hợp tác xã giá trị tương ứng với nghĩa vụ tài sản đó.

9. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản

Kể từ ngày nhận được quyết định của Toà án áp dụng thủ tục thanh lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, nghiêm cấm ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý có tài khoản thực hiện các hành vi sau đây:

- Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ việc thanh toán được Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản đồng ý bằng văn bản;
- Thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm bù trừ hoặc thanh toán các khoản doanh nghiệp, hợp tác xã vay của ngân hàng.

Việc cấm ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài sản thực hiện việc thanh toán các khoản nợ mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán hoặc thực hiện thanh toán bù trừ các khoản vay của ngân hàng là quy định hợp lý. Quy định này nhằm ngăn ngừa việc ngân hàng lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch có lợi cho mình hoặc chủ nợ khác nhằm tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có khoản vay có bảo đảm với ngân hàng, thì ngân hàng cũng chỉ được quyền ưu tiên thanh toán đối với tài sản bảo đảm đó theo đúng quy định của pháp luật.

10. Nghĩa vụ của nhân viên và người lao động

Ngay sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thông báo công khai cho tất cả nhân viên và người lao động của mình biết.

Kể từ khi được thông báo, tất cả nhân viên và người lao động phải có nghĩa vụ bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, không được thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm che giấu, tẩu tán hoặc chuyển nhượng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Quy định nghĩa vụ bảo vệ tài sản của nhân viên và người lao động đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản nhằm bảo vệ những tài sản hữu hình của doanh nghiệp, hợp tác xã tránh việc tẩu tán, hư hỏng hoặc làm mất mát tài sản phá sản.

11. Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về các biện pháp bảo toàn tài sản

a. Về vấn đề thu hồi và quản lý tài sản phá sản

- Nghiên cứu việc tăng quyền cho Thẩm phán, nhất là trong việc xử lý những khoản nợ nhỏ mà chi phí cho việc đòi nợ bằng hoặc ít hơn khoản nợ không nhiều, thì Thẩm phán có quyền xem xét miễn đòi. Riêng những khoản nợ khó đòi cần quy định điều kiện để Thẩm phán xem xét trình Hội nghị chủ nợ giảm nợ. Có như vậy mới có lối thoát cho những khoản nợ nhỏ không đáng gì và những khoản nợ khó đòi đã kéo dài nhiều năm.

- Bổ sung quy định của Luật Phá sản năm 2004 về xử lý tài sản phá sản ở nước ngoài. Hiện nay, trên thế giới có hai khuynh hướng quy định về vấn đề này:

Một là không công nhận phán quyết giải quyết vụ phá sản của toà án nước ngoài hoặc không thừa nhận quyền thu hồi tài sản ở lãnh thổ nước sở tại của người quản lý tài sản của một nước khác ngoại trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định riêng.

Hai là, công nhận một phần hoặc toàn bộ các phán quyết của Toà án nước ngoài như: công nhận ngay lập tức mà không cần thực hiện bất kỳ một thủ tục tư pháp hay hành chính nào; thủ tục công nhận trên cơ sở có đi có lại (Pháp, Hy Lạp, Ý); thủ tục công nhận trên cơ sở không có đi có lại (Mêhicô, Panama và Côlômbia) và việc công nhận chỉ giới hạn trong việc thu hồi tài sản (Hà Lan, Thụy Điển).

b. Sửa đổi quy định về tạm đình chỉ và đình chỉ thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án (Điều 27 và Điều 57 Luật Phá sản năm 2004)

- Việc quy định cần phải tạm đình chỉ thi hành tất cả các bản án đã có hiệu lực pháp luật từ ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là cứng nhắc, không bảo đảm lợi ích chính đáng của một số chủ nợ có liên quan đến việc giải quyết phá sản.

Theo khoản 1 Điều 27 thì kể từ thời điểm Toà án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết phá sản, tất cả các bản án mà theo đó doanh nghiệp mắc nợ có nghĩa vụ thi hành đều bị tạm đình chỉ. Quy định như vậy, về cơ bản là đúng nhưng còn cứng nhắc, không hợp lý trong một số trường hợp, không phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam cũng như thông lệ của pháp luật nhiều nước trên thế giới.

Xuất phát từ địa vị pháp lý, khả năng kinh tế cũng như nhu cầu phải có sự ứng xử một cách đặc biệt đối với một số chủ nợ nên Luật Phá sản năm 2004 của nhiều nước đều có quy định, theo đó, đối với một số bản án, nhất là các bản án mà người được thi hành là các cá nhân bị doanh nghiệp mắc nợ gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, danh dự; các bản án Toà án yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ phải trả lại tài sản cho người khác do tài sản này đã bị doanh nghiệp mắc nợ chiếm hữu một cách bất hợp pháp... đều được thi hành mà không bị tạm đình chỉ. Quy định này cũng rất phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam, vì vậy, rất đáng được xem xét, tiếp thu. Trong tương lai, để phù hợp với tình hình thực tế có thể xảy ra cũng như để bảo vệ lợi ích chính đáng của một số chủ thể có tình trạng pháp lý đặc biệt, nên sửa lại khoản 1 Điều 27 Luật Phá sản năm 2004 như sau:

“Kể từ ngày Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, việc giải quyết các yêu cầu sau đây đòi doanh nghiệp, Hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thực hiện nghĩa vụ về tài sản phải tạm đình chỉ:

1. Thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành, trừ các bản án mà người được thi hành là cá nhân đã bị doanh nghiệp mắc nợ gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự và các bản án mà theo đó, doanh nghiệp mắc nợ có nghĩa vụ phải trả lại tài sản do mình đã chiếm hữu của người khác một cách bất hợp pháp.

2. ...”.

c. Kiến nghị bổ sung quy định về giải quyết tranh chấp có liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Phá sản năm 2004 thì kể từ ngày Toà án ra quyết định mở thủ tục phá sản, việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án đó phải bị đình chỉ. Toà án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án đó cho Toà án đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết. Như vậy, Toà án đang giải quyết vụ phá sản phải giải quyết cả các tranh chấp có liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã để xác định nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 33 Luật Phá sản năm 2004 trước khi tiến hành thủ tục thanh lý tài sản. Quy định như vậy vô hình trung đã tạo thêm nghĩa vụ giải quyết vụ tranh chấp cho Thẩm phán đang phụ trách giải quyết vụ phá sản. Tuy nhiên, các quy định về các vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp cũng như hậu quả pháp lý của việc giải quyết của Thẩm phán tiến hành giải quyết vụ tranh chấp lại không được quy định cụ thể trong Luật Phá sản năm 2004. Thiết nghĩ trong thời gian tới, khi tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản năm 2004 cần nghiên cứu để bổ sung các quy định về trường hợp này để đảm bảo giá trị pháp lý của việc giải quyết của Thẩm phán.

Theo quy định tại Điều 77 của Luật Phá sản năm 2004, việc ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh dẫn đến một hậu quả pháp lý rất quan trọng là doanh nghiệp đó được coi không còn lâm vào tình trạng phá sản. Sau khi doanh nghiệp thoát khỏi lâm vào tình trạng phá sản, nếu việc thi hành án dân sự chưa được thi hành thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục phải thực hiện những nghĩa vụ thi hành án dân sự bị đình chỉ do áp dụng thủ tục phục hồi. Mặt khác, việc giải quyết những vụ án bị đình chỉ theo Điều 57 của Luật Phá sản năm 2004 mà chưa được giải quyết thì ngay sau khi ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc giải quyết vụ án lại được tiếp tục và doanh nghiệp lại tiếp tục là đương sự của vụ án đó.

Tại tiểu mục 11.3 Mục 11 Phần II Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Trường hợp quyết định đình chỉ vụ án quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 77 của Luật Phá sản năm 2004, nếu sau đó Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh gửi trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền, thì Tòa án đó tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung”.

Thực tế tại các Tòa án địa phương, do nhận thức vấn đề này không giống nhau nên đã thực hiện quy định này chưa có sự thống nhất. Cụ thể là:

Có địa phương cho rằng, phải thực hiện đúng câu chữ của hướng dẫn trên, nghĩa là sau khi được trả lại hồ sơ vụ án cùng với quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của Tòa án giải quyết phá sản, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự đương nhiên phải khởi phục lại vụ án và tiếp tục giải quyết vụ án mà không cần làm lại thủ tục thụ lý vụ án. Nguyên đơn không phải làm lại thủ tục khởi kiện và cũng không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Một số địa phương khác cho rằng, sau khi đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, muốn được Tòa án giải quyết lại vụ án đó thì nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật tố tụng dân sự và phải làm lại thủ tục thụ lý vụ án như một vụ án mới, trong đó có việc phải nộp lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (tạm ứng án phí sơ thẩm lần trước đã bị nộp vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 193 của Bộ luật tố tụng dân sự).

III. HỘI NGHỊ CHỦ NỢ

1. Triệu tập Hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ được thành lập theo quy định tại Điều 61 của Luật Phá sản năm 2004. Trường hợp việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản kết thúc trước ngày lập xong danh sách chủ nợ thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày lập xong danh sách chủ nợ, Thẩm phán phải triệu tập Hội nghị chủ nợ; nếu việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã kết thúc sau ngày lập xong danh sách chủ nợ thì thời hạn này tính từ ngày kiểm kê xong tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Các Hội nghị chủ nợ tiếp theo có thể được Thẩm phán triệu tập vào bất kỳ ngày làm việc nào trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản theo đề nghị của Tổ quản lý, thanh lý tài sản hoặc của các chủ nợ đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số nợ không có bảo đảm.

Giấy triệu tập Hội nghị chủ nợ phải được gửi cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 62 và Điều 63 của Luật Phá sản năm 2004, chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày khai mạc Hội nghị. Kèm theo giấy triệu tập Hội nghị phải có chương trình, nội dung của Hội nghị và các tài liệu khác, nếu có.

Hội nghị chủ nợ do Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản chủ trì.

2. Quyền và nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ

Điều 62 của Luật Phá sản năm 2004 quy định về quyền tham gia hội nghị chủ nợ. Quy định này có thể được hiểu là nếu những người có quyền tham gia hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 62 của Luật Phá sản năm 2004 mà không tham gia hội nghị chủ nợ thì mất quyền của chủ nợ và sẽ chịu hậu quả là mất quyền được thanh toán những nghĩa vụ về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ phải thực hiện. Theo quy định tại Điều 62 của Luật Phá sản năm 2004 thì những người sau đây có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ:

- Các chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ. Chủ nợ có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ và người được uỷ quyền có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ;

- Đại diện cho người lao động, đại diện công đoàn được người lao động uỷ quyền. Trong trường hợp này đại diện cho người lao động, đại diện công đoàn có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ;

- Người bảo lãnh sau khi đã trả nợ thay cho doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Trong trường hợp này họ trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

Điều 63 của Luật Phá sản năm 2004 quy định về nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ, theo đó người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại các điều 15, 16, 17 và 18 của Luật Phá sản năm 2004 có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ; trường hợp không tham gia được thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ. Người được uỷ quyền có quyền, nghĩa vụ như người uỷ quyền nếu họ tham gia Hội nghị chủ nợ; đối với doanh nghiệp tư nhân mà chủ doanh nghiệp tư nhân đã chết thì người thừa kế hợp pháp của chủ doanh nghiệp đó tham gia Hội nghị chủ nợ.

Trường hợp không có người đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản quy định tại khoản 1 Điều này tham gia Hội nghị chủ nợ thì Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản chỉ định người đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã đó tham gia Hội nghị chủ nợ.

Cần phân biệt là đối với những người quy định tại Điều 62 của Luật Phá sản năm 2004 thì việc tham gia Hội nghị chủ nợ là quyền của họ, còn đối với những người quy định tại Điều 63 của Luật Phá sản năm 2004 thì việc tham gia Hội nghị chủ nợ là nghĩa vụ của họ. Việc phân biệt này để xác định điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ, hoãn Hội nghị chủ nợ và đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản quy định tại các điều 65, 66 và 67 của Luật Phá sản năm 2004.

Trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không có người đại diện quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật Phá sản năm 2004 tham gia Hội nghị chủ nợ, thì Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản chỉ định người đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia Hội nghị chủ nợ. Khi chỉ định người đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán cần lựa chọn người am hiểu công việc, hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản và về nguyên tắc chung cần chỉ định theo thứ tự chức vụ từ người có chức vụ ngay sau người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã trở xuống. Đối với doanh nghiệp tư nhân mà chủ doanh nghiệp tư nhân đã chết và cũng không có người thừa kế hợp pháp của chủ doanh nghiệp, thì cần chỉ định người thân thích của chủ doanh nghiệp đó.

3. Nội dung Hội nghị chủ nợ

Nội dung của Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất bao gồm những nội dung sau đây:

- Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản thông báo cho Hội nghị chủ nợ về tình hình kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản; kết quả kiểm kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết;

- Chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày ý kiến về các nội dung do Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo cho Hội nghị, đề xuất phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, khả năng và thời hạn thanh toán nợ;

- Hội nghị chủ nợ thảo luận về các nội dung do Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo và các ý kiến của chủ doanh nghiệp, đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Hội nghị chủ nợ thông qua Nghị quyết. Nghị quyết được lập thành văn bản và phải được quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại Hội nghị đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên thông qua. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ;

- Trường hợp Hội nghị chủ nợ xét thấy phải thay người đại diện cho các chủ nợ trong thành phần Tổ quản lý, thanh lý tài sản thì Hội nghị bầu người thay thế;

- Đề nghị Thẩm phán ra quyết định cử người quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Trường hợp cần phải tổ chức Hội nghị chủ nợ tiếp theo thì chương trình, nội dung của Hội nghị tiếp theo do Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản quyết định theo đề nghị của Tổ quản lý, thanh lý tài sản hoặc của các chủ nợ đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số nợ không có bảo đảm.

4. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ, hoãn Hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ chỉ hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 65 Luật Phá sản năm 2004, cụ thể Hội nghị chủ nợ chỉ hợp lệ khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên tham gia;
- Có sự tham gia của người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 63 của Luật này.

Thủ tục hoãn Hội nghị chủ nợ lần đầu tiên được quy định tại Điều 66 Luật Phá sản năm 2004. Hội nghị chủ nợ có thể được hoãn một lần nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- Không đủ quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên tham gia;
- Quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại Hội nghị chủ nợ biểu quyết đề nghị hoãn Hội nghị chủ nợ;
- Người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 63 của Luật Phá sản năm 2004 vắng mặt có lý do chính đáng.

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định hoãn Hội nghị chủ nợ thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán phải triệu tập lại Hội nghị chủ nợ. Trường hợp Thẩm phán triệu tập lại Hội nghị chủ nợ nhưng vẫn không đủ điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 65 Luật Phá sản năm 2004 thì Thẩm phán sẽ tiến hành đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 67 Luật Phá sản năm 2004.

5. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản khi có người tham gia Hội nghị chủ nợ vắng mặt

Thẩm phán ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản khi có người tham gia Hội nghị chủ nợ vắng mặt trong những trường hợp sau đây:

- Sau khi Hội nghị chủ nợ đã được hoãn một lần, nếu người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là chủ nợ và người lao động không tham gia Hội nghị chủ nợ được triệu tập lại;
- Trường hợp chỉ có doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cổ đông công ty cổ phần, thành viên hợp danh nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ là doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cổ đông công ty cổ phần, thành viên hợp danh không đến tham gia Hội nghị chủ nợ mà không có lý do chính đáng;
- Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút lại đơn yêu cầu; nếu chủ nợ, người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cổ đông công ty cổ phần, thành viên hợp danh nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà chỉ có một hoặc một số người rút lại đơn yêu cầu thì Tòa án vẫn tiến hành thủ tục phá sản.

6. Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về Hội nghị chủ nợ

a. Về triệu tập Hội nghị chủ nợ

Luật Phá sản năm 2004 có quy định cơ chế chủ nợ tham gia giải quyết phá sản thông qua một thiết chế là Hội nghị chủ nợ. Hội nghị chủ nợ là cơ quan quyền lực cao nhất của các chủ nợ, bao gồm các chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ, đại diện cho người lao động hoặc đại diện công đoàn được người lao động uỷ quyền; có quyền quyết định những vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ nợ.

Tuy nhiên, theo tinh thần quy định tại Luật Phá sản năm 2004 thì Hội nghị chủ nợ lại do Thẩm phán triệu tập và chỉ có các chủ nợ đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số nợ không có bảo đảm mới có quyền yêu cầu Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ để quyết định các vấn đề liên quan đến chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ. Quy định như vậy đã không tạo điều kiện cho Hội nghị chủ nợ hoạt động một cách thường xuyên, kịp thời để giải quyết các vấn đề liên quan đến các quyền, lợi ích chính đáng của mình. Thực tế cho thấy, do không tổ chức được một cách kịp thời Hội nghị chủ nợ nên Thẩm phán đã không có căn cứ để ra các quyết định, trong đó, có quyết định về thanh lý tài sản, một thủ tục rất quan trọng của thủ tục phá sản và thi hành án dân sự. Vì vậy, cần phải có thêm cơ chế mới để tháo gỡ khó khăn này.

b. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức Hội nghị chủ nợ và quyết định mở thủ tục thanh lý

Hội nghị chủ nợ có vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có thể phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hội nghị chủ nợ thảo luận, xem xét, thông qua phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, khả năng và thời hạn thanh toán nợ trong doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Điều 64 Luật Phá sản năm 2004 quy định cụ thể nội dung của Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất. Tại điểm d khoản 1 Điều 64 Luật Phá sản năm 2004 quy định: “Hội nghị chủ nợ thông qua Nghị quyết. Nghị quyết được lập thành văn bản và phải được quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại Hội nghị đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên thông qua. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ”. Ngoài ra, các trường hợp thanh lý tài sản được Luật Phá sản năm 2004 quy định tại các điều: Điều 78 (trường hợp đặc biệt), Điều 79 (Hội nghị chủ nợ không thành) và Điều 80 (Sau khi có Nghị quyết Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất thông qua các giải pháp dự kiến tổ chức lại, kế hoạch thanh toán nợ) nhưng doanh nghiệp không xây dựng được kế hoạch chính thức.

Tuy nhiên, thực tế xuất hiện trường hợp tại Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất mà doanh nghiệp, Hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không lập (do không có chủ trương lập) phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh để trình Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất. Vậy trong trường hợp này Thẩm phán có ra quyết định thanh lý tài sản không? Nếu ra quyết định thanh lý tài sản thì căn cứ điều nào trong Luật Phá sản năm 2004 để ra quyết định? Phải chăng Luật đã không quy định điều kiện để ra quyết định thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp nêu trên? Về vấn đề này hiện có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, theo điểm d khoản 1 Điều 64 Luật Phá sản năm 2004 thì nếu tại Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không có dự kiến, không lập phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh để trình Hội nghị chủ nợ thì Hội nghị chủ nợ vẫn ra Nghị quyết về việc thanh lý tài sản. Thẩm phán căn cứ vào Nghị quyết này ra quyết định thanh lý tài sản.

Quan điểm thứ hai cho rằng, vì thủ tục thanh lý tài sản quy định tại các Điều 78, 79 và 80 của Luật Phá sản năm 2004 không quy định điều kiện để ra quyết định thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp nêu trên, nên Thẩm phán cần tổ chức lại Hội nghị chủ nợ lần thứ hai và tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải có dự kiến, lập phương án, đề ra giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh để trình Hội nghị chủ nợ lần thứ hai. Tại Hội nghị chủ nợ lần thứ hai, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không lập phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh hoặc có phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh để trình nhưng Hội nghị chủ nợ lần thứ hai không thông qua thì mới ra quyết định thanh lý tài sản.

Chúng tôi tán thành quan điểm thứ hai, vì quan điểm này vừa tạo thêm cơ hội, thời gian cho doanh nghiệp xây dựng phương án và giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh nhằm khắc phục tình trạng khó khăn của mình đồng thời cũng là việc áp dụng tương tự với quy định của Điều 79 Luật Phá sản năm 2004 về trường hợp Hội nghị chủ nợ không thành do doanh nghiệp không có mặt tại Hội nghị chủ nợ mà không có lý do chính đáng.

c. Về sửa đổi, bổ sung Điều 67 Luật Phá sản năm 2004 quy định về việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản khi có người vắng mặt tại Hội nghị chủ nợ và hậu quả của việc đình chỉ thủ tục phục hồi và đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản

- Kể từ khi thụ lý đơn và quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp đến khi triệu tập Hội nghị chủ nợ thì việc phá sản đã được tiến hành gần như hoàn tất để có thể xác định doanh nghiệp có bị phá sản hay không tức là có ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản hay không. Việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản chỉ nên xem xét trong trường hợp người nộp đơn xin mở thủ tục phá sản doanh nghiệp rút đơn (mà không có người nào khác nộp đơn xin mở thủ tục phá sản nữa) trước khi Hội nghị chủ nợ được triệu tập. Những trường hợp khác Tòa án yêu cầu họ cử đại diện, hoặc Tòa án chỉ định người tham gia, nếu đến Hội nghị chủ nợ họ vắng mặt thì quyền quyết định đình chỉ hay mở thủ tục thanh lý tài sản không do Hội nghị chủ nợ quyết định. Như vậy đỡ lãng phí thời gian, công sức và tiền bạc của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

- Về hậu quả của việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo Điều 67 Luật Phá sản năm 2004, chúng tôi cho rằng, khác với việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đó là khi doanh nghiệp về cơ bản đã khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh trở lại bình thường. Do vậy, việc xác định hậu quả như quy định tại Điều 57 và Điều 77 Luật Phá sản năm 2004 là hoàn toàn phù hợp. Trong khi đó, việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 67 không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp đã khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và trở lại hoạt động kinh doanh bình thường nên không thể áp dụng những quy định tại Điều 57 và Điều 77 Luật Phá sản năm 2004. Vì vậy, cần phải bổ sung vào sau Điều 67 một điều quy định về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản khi có người tham gia Hội nghị chủ nợ vắng mặt, khi người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu, trong đó có quy định về việc tiếp tục giải quyết các vụ án đã bị đình chỉ do mở thủ tục phá sản.

d. Về các trường hợp đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản

Điều 67 Luật Phá sản năm 2004 có quy định, Thẩm phán đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản trong trường hợp “Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút lại đơn yêu cầu”. Quy định này, theo chúng tôi là không hợp lý.

Thủ tục phá sản là phương thức đòi nợ đặc biệt của các chủ nợ, việc Tòa án mở thủ tục giải quyết phá sản trước hết là vì lợi ích của các chủ nợ. Vì vậy, việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp là quyền chứ không phải là nghĩa vụ của các chủ nợ. Đã là quyền thì sau khi nộp đơn, các chủ nợ hoàn toàn có quyền rút đơn. Tuy nhiên, khác với việc đòi nợ theo thủ tục dân sự thông thường, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản sau khi đã được mở thì việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp không còn chỉ liên quan đến lợi ích của bản thân chủ nợ đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, mà liên quan đến lợi ích của toàn bộ các chủ nợ, người mắc nợ của doanh nghiệp cũng như của bản thân doanh nghiệp. Chính vì lẽ đó, quyền rút đơn của chủ nợ đã nộp đơn chỉ nên được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp. Khi chủ nợ nộp đơn mà rút đơn thì các chủ nợ khác, doanh nghiệp... vẫn có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Điều 67 Luật Phá sản năm 2004 quy định về các trường hợp đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản. Tuy nhiên, Luật Phá sản năm 2004 lại không quy định về hậu quả của việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản, do vậy, vấn đề đặt ra là, sau khi Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phá sản thì hậu quả pháp lý của việc ra quyết định đình chỉ tiến hành theo thủ tục phá sản là như thế nào? Doanh nghiệp, hợp tác xã đó được coi là không còn lâm vào tình trạng phá sản như Điều 77 Luật Phá sản năm 2004 quy định hay không? Vấn đề thi hành án dân sự hoặc việc giải quyết vụ án bị đình chỉ theo quy định tại Điều 57 của Luật Phá sản năm 2004 chưa được thi hành hoặc chưa được giải quyết thì thủ tục giải quyết ra sao?

Về vấn đề này có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, khi Thẩm phán ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã đó được coi là không còn lâm vào tình trạng phá sản nữa. Vấn đề thi hành án dân sự hoặc việc giải quyết vụ án bị đình chỉ theo quy định tại Điều 57 Luật Phá sản năm 2004 nếu chưa được thi hành hoặc chưa được giải quyết thì nay được giải quyết theo quy định của Điều 77 Luật Phá sản năm 2004. Nghĩa là việc thi hành án dân sự hoặc giải

quyết vụ án vẫn được tiếp tục. Thẩm phán sau khi ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản thì phải gửi trả lại hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định chung của pháp luật.

Quan điểm thứ hai cho rằng, Thẩm phán ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản là do người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không đến hoặc do họ rút đơn yêu cầu chứ bản thân doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn còn lâm vào tình trạng phá sản. Luật Phá sản năm 2004 không nêu hậu quả của việc ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản. Do đó, không thể áp dụng những quy định của Điều 77 Luật Phá sản năm 2004 để giải quyết hậu quả của vấn đề thi hành án dân sự hoặc giải quyết vụ án bị đình chỉ theo quy định tại Điều 57 Luật Phá sản năm 2004 chưa được thi hành hoặc chưa được giải quyết, nghĩa là, việc gửi trả lại hồ sơ cho Tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định chung của pháp luật cũng không thuộc thẩm quyền của Thẩm phán ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản. Chúng tôi cho rằng, quan điểm thứ nhất là hợp lý.

Luật Phá sản đã trải qua năm năm thi hành, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Phá sản cũng còn nhiều quy định chưa thật phù hợp với thực tiễn giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản ở nước ta hiện nay. Đặc biệt là những quy định của Luật Phá sản về tài sản, nghĩa vụ về tài sản, bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản và tổ chức và hoạt động của Hội nghị chủ nợ. Thông qua việc tổng kết sơ bộ những vướng mắc, bất cập qua thực tiễn áp dụng các quy định của Luật Phá sản và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện một số quy định của pháp luật phá sản, hy vọng những nội dung trong bài viết này sẽ là một tài liệu tham khảo có giá trị trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật phá sản.

SOURCE: CHUYÊN ĐỀ KHOA HỌC XÉT XỬ: TÌM HIỂU LUẬT PHÁ SẢN, TẬP 1, VIỆN KHOA HỌC XÉT XỬ, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO. NXB. TƯ PHÁP. 2010, TRANG 40 – 67

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com